

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
1	T25001	Phàn Thị Âm	15/02/2001	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.75	7.50	8.00	15.50	
2	T25002	Trần Việt Anh	14/11/2003	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.13	6.00	7.50	13.50	
3	T25003	Chu Thị Phương Anh	12/12/2002	Kinh tế chính trị	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.00	7.50	14.50	
4	T25004	Phạm Mai Anh	10/05/2003	Quản lý kinh tế	6.75	7.25	6.00	13.25	
5	T25005	Vũ Cẩm Anh	27/02/2002	Quản lý kinh tế	6.75	7.00	6.00	13.00	
6	T25006	Nguyễn Phạm Phương Anh	29/03/1999	Quản lý kinh tế	7.13	5.25	6.50	11.75	
7	T25007	Nguyễn Xuân Ánh	22/10/2003	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.50	8.00	15.50	
8	T25008	Nguyễn Thanh Bình	04/07/2000	Pháp luật về quyền con người	Bỏ thi				
9	T25009	Nguyễn Văn Chiều	10/10/1991	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.50	8.00	15.50	
10	T25010	Đặng Thị Chính	04/09/1981	Kinh tế chính trị	Miễn thi Ngoại Ngữ	8.00	7.50	15.50	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sơ (2)	Tổng (1)+(2)	
11	T25011	Lê Thị Chung	03/11/1990	Kinh tế chính trị	6.50	8.00	8.00	16.00	
12	T25012	Vũ Thị Chung	25/07/1998	Pháp luật về quyền con người	Bỏ thi				
13	T25013	Đặng Mạnh Cường	08/08/1997	Pháp luật về quyền con người	Bỏ thi				
14	T25014	Trương Đình Đại	16/11/2000	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.50	8.00	15.50	
15	T25015	Nguyễn Phú Đồng	08/6/1992	Pháp luật về quyền con người	6.75	8.00	8.00	16.00	
16	T25016	Nguyễn Ngọc DuLy	05/04/2003	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	6.25	6.50	7.50	14.00	
17	T25017	Hà Anh Dũng	18/05/1995	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	7.00	7.50	7.50	15.00	
18	T25018	Nguyễn Đoàn Dũng	20/02/1993	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	4.63	6.50	6.00	12.50	
19	T25019	Vũ Thùy Dương	26/11/1990	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	6.63	7.00	8.00	15.00	
20	T25020	Lê Ngân Hà	06/09/2002	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Miễn thi Ngoại Ngữ	8.00	7.50	15.50	
21	T25021	Vũ Hồng Hải	27/05/1982	Pháp luật về quyền con người	6.50	8.00	8.00	16.00	
22	T25022	Nguyễn Thị Hòa	08/09/1995	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	7.00	7.50	14.50	
23	T25023	Vũ Tiến Lê Hoàng	15/11/1998	Văn hóa học	6.75	7.00	8.50	15.50	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
24	T25024	Đỗ Mạnh Hùng	30/03/1986	Pháp luật về quyền con người	6.75	7.00	7.50	14.50	
25	T25025	Nguyễn Liên Hương	17/06/1983	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.50	8.00	15.50	
26	T25026	Trần Đình Huy	18/10/2001	Văn hóa học	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.00	8.00	15.00	
27	T25027	Phạm Thị Huyền	12/06/1977	Văn hóa học	Miễn thi Ngoại Ngữ	8.00	8.50	16.50	
28	T25028	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/08/1970	Văn hóa học	Miễn thi Ngoại Ngữ	6.50	7.50	14.00	
29	T25029	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	19/12/1994	Chủ nghĩa xã hội khoa học	6.38	7.50	8.00	15.50	
30	T25030	Lê Văn Khôi	18/02/1991	Kinh tế chính trị	6.00	6.50	8.00	14.50	
31	T25031	Đào Thị Linh	06/02/2002	Kinh tế chính trị	6.38	7.50	8.50	16.00	
32	T25032	Nguyễn Thùy Linh	20/01/1997	Quản lý kinh tế	Miễn thi Ngoại Ngữ	6.25	7.00	13.25	
33	T25033	Nguyễn Thị Phương Loan	31/01/1989	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.38	7.00	8.00	15.00	
34	T25034	Phạm Thành Long	30/08/1983	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	7.00	8.00	15.00	
35	T25035	Lê Quỳnh Mai	19/07/1990	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	6.75	7.00	7.50	14.50	
36	T25036	Đỗ Cảnh Nam	18/02/1995	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	5.38	7.00	8.00	15.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
37	T25037	Nguyễn Minh Ngọc	08/07/2000	Quản lý kinh tế	7.13	5.75	6.50	12.25	
38	T25038	Dương Thị Nguyên	03/11/2000	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.00	7.00	14.00	
39	T25039	Lương Thị Trang Nhung	12/11/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.75	8.00	8.50	16.50	
40	T25040	Trần Thị Phương Ninh	23/08/1989	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	7.00	8.00	15.00	
41	T25041	Cao Xuân Quảng	08/05/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.13	6.50	7.00	13.50	
42	T25042	Vũ Thị Quyên	29/06/1984	Pháp luật về quyền con người	5.38	6.50	7.00	13.50	
43	T25043	Phạm Đức Quyền	09/02/1999	Kinh tế chính trị	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.50	7.00	14.50	
44	T25044	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/02/2002	Quản lý kinh tế	Miễn thi Ngoại Ngữ	5.00	6.00	11.00	
45	T25045	Nguyễn Thị Thùy	19/03/2002	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.00	8.00	15.00	
46	T25046	Trần Minh Thùy	17/05/2002	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.50	7.00	14.50	
47	T25047	Nguyễn Thị Trang	17/12/1995	Văn hóa học	6.50	7.50	8.00	15.50	
48	T25048	Lê Văn Triệu	06/02/2003	Pháp luật về quyền con người	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.00	8.00	15.00	
49	T25049	Đào Duy Tùng	22/05/2002	Quản lý kinh tế	7.00	5.00	6.00	11.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
50	T25050	Đặng Quốc Văn	27/07/2002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.00	7.00	14.00	
51	T25051	Võ Văn An	31/07/1993	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.13	7.50	8.00	15.50	
52	T25052	Trần Hữu Bằng	06/12/1978	Quản lý nhà nước	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.00	7.50	14.50	
53	T25053	Châu Thị Chúc	04/03/1984	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	7.50	7.50	15.00	
54	T25054	Võ Thanh Đăng	07/11/1991	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	7.00	8.00	15.00	
55	T25055	Nguyễn Thị Hồng Đào	15/04/1990	Quản lý nhà nước	5.63	7.00	7.50	14.50	
56	T25056	Dương Minh Đạt	19/02/1988	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	4.50	7.00	7.50	14.50	
57	T25057	Lê Nguyễn Duy	29/11/1999	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.00	7.50	14.50	
58	T25058	Phạm Nguyễn Hà Giang	31/07/1993	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.00	7.50	14.50	
59	T25059	Phạm Ngọc Thanh Hà	09/06/1982	Quản lý nhà nước	4.75	7.00	7.50	14.50	
60	T25060	Lâm Thị Ngọc Hân	04/01/1999	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.00	8.00	15.00	
61	T25061	Ngô Kim Hiên	19/05/1985	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	7.00	7.50	14.50	
62	T25062	Phan Thị Hồng	08/9/1991	Quản lý nhà nước	Miễn thi Ngoại Ngữ	8.00	7.50	15.50	
63	T25063	Nguyễn Trung Kiên	10/07/1999	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.38	8.00	8.00	16.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
64	T25064	Phạm Thụy Bảo Long	30/4/2001	Quản lý nhà nước	6.50	7.00	7.00	14.00	
65	T25065	Nguyễn Phúc Trường Luật	18/8/1998	Quản lý nhà nước	5.75	7.50	7.50	15.00	
66	T25066	Phan Ngọc Kim Mai	07/03/2003	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.00	8.00	15.00	
67	T25067	Trần Văn Mộng	19/10/1987	Quản lý nhà nước	Miễn thi Ngoại Ngữ	8.00	6.50	14.50	
68	T25068	Võ Hữu Ngợi	19/7/1994	Quản lý nhà nước	4.63	7.00	6.50	13.50	
69	T25069	Hồ Huỳnh Như	01/01/1993	Quản lý nhà nước	5.38	8.00	6.50	14.50	
70	T25070	Nguyễn Thanh Quy	08/10/1998	Quản lý nhà nước	5.00	7.50	7.00	14.50	
71	T25071	Huỳnh Tiến Sỹ	21/3/2003	Quản lý nhà nước	6.50	7.50	7.00	14.50	
72	T25072	Nguyễn Thanh Tạng	04/02/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	7.00	8.00	15.00	
73	T25073	Nguyễn Trí Thanh	09/09/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.13	7.50	8.00	15.50	
74	T25074	Trịnh Phúc Thịnh	12/06/1983	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.13	7.50	8.00	15.50	
75	T25075	Phạm Quỳnh Thơ	02/01/2001	Quản lý nhà nước	6.25	8.00	7.50	15.50	
76	T25076	Võ Ngọc Thu	09/8/1988	Quản lý nhà nước	6.63	8.00	7.50	15.50	
77	T25077	Lê Kim Thùy	10/08/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Miễn thi Ngoại Ngữ	8.00	7.50	15.50	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
78	T25078	Nguyễn Văn Tiến	24/6/1971	Quản lý nhà nước	Miễn thi Ngoại Ngữ	7.50	7.00	14.50	
79	T25079	Lê Anh Tuấn	28/8/1981	Quản lý nhà nước	5.25	7.00	6.50	13.50	
80	T25080	Dương Phước Tường	24/05/1986	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.25	7.00	7.50	14.50	
81	T25081	Nguyễn Cao Vương	17/12/1995	Quản lý nhà nước	6.25	7.00	7.00	14.00	

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025

VỤ TRƯỞNG
VỤ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG



Đâu Tuấn Nam
Trưởng ban Thư ký

NGƯỜI LẬP BIỂU 1



Nguyễn Thanh Cảnh

NGƯỜI LẬP BIỂU 2



Nguyễn Anh Dũng

NGƯỜI LẬP BIỂU 3



Vi Hoài Anh

KT/GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC



Đoàn Minh Huân
Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng thi tuyển sinh